

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 29/2020/DS-ST

Ngày: 26/6/2020

“V/v Tranh chấp đòi quyền sử dụng đất”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Phong

Hội thẩm Nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hùng Cường
2. Ông Nguyễn Phi Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thụy Thùy Trâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

- Đại diện Viện Kiểm sát Nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bạch Nhạn - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 80/2019/TLST-DS ngày 10 tháng 4 năm 2019 về “Tranh chấp quyền sử dụng đất” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2020/QĐXX-ST ngày 05/3/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2020/QĐST-DS ngày 31 tháng 3 năm 2020; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 16/2019/QĐST-DS ngày 23 tháng 4 năm 2020, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 36/2019/QĐST-DS ngày 28 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

1/ *Nguyên đơn:* Bà Đặng Thị Kim V, sinh năm 1957;

Địa chỉ: Số 30, ấp T, xã T, huyện C, Đồng Tháp.

2/ *Bị đơn:*

2.1. Ông Trần Thiện Kh, sinh năm 1965;

2.2. Chị Trần Thị Kim Th, sinh năm 1995;

Cùng địa chỉ: Tổ 01, ấp T, xã T, huyện C, Đồng Tháp;

3/ *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Bà Trần Thị Kim Th, sinh năm 1976 (vợ ông Kh)

3.2. Chị Trần Thị Thanh Nh, sinh năm 1997 (con ông Kh)

3.3. Chị Trần Thị Nhân R, sinh năm 2007 (con ông Kh)

Người đại diện hợp pháp của Trần Thị Nhân R là ông Trần Thiện Kh, sinh năm 1965;

3.4. Anh Huỳnh Tấn L, sinh năm 1987 (chồng chị Trần Thị Kim Th)

Cùng địa chỉ: Số 06, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02/5/2019 cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Đặng Thị Kim V trình bày:

Nguồn gốc phần đất đang tranh chấp là của ông ngoại bà V tên là Trần Văn H, ông H cho bà L (mẹ ruột bà V) từ năm 1961 đến năm 1975, bà L cho ông Lê Thành D mượn đất để canh tác, đến năm 1979 ông D về thành phố Hồ Chí Minh sinh sống và trả lại toàn bộ thửa đất trên cho bà Trần Thị Kim L quản lý, sử dụng, nhưng đến năm 1987 UBND huyện Châu Thành có Quyết định số 38/QĐ.UB tạm quản lý thửa đất trên và đến ngày 30/10/1998 UBND xã Tân Phú Trung tự làm “tờ khoán đất” thực tế là bán toàn bộ thửa đất trên cho ông Trần Trung H và ông H được cấp giấy chứng nhận QSD đất (sau đây được viết tắt là QSD đất), nên bà L đi khiếu nại UBND huyện Châu Thành ra Quyết định số 145/QĐ.UB bác đơn khiếu nại của bà L, bà L tiếp tục khiếu nại đến UBND tỉnh Đồng Tháp và được UBND tỉnh Đồng Tháp hủy quyết định số 145/QĐ.UB ngày 19/02/2002 của UBND huyện Châu Thành, đồng thời công nhận thửa đất số 215, tờ bản đồ số 2, diện tích 6.443m² cho bà Trần Thị Kim L và bà L được UBND huyện Châu Thành cấp giấy chứng nhận QSD đất vào ngày 11/12/2003.

Đến năm 2007, bà L chết, bà Đặng Thị Kim V làm thủ tục xin cấp đổi và thừa kế quyền sử dụng đất. Ngày 14/11/2007 bà V được cấp Giấy chứng nhận QSD đất thửa 215, tờ bản đồ 02, diện tích 6.443m². Ngày 17/01/2008 thửa 215 được cấp đổi lại Giấy chứng nhận QSD đất, thành thửa số 1686, tờ bản đồ số 2, diện tích là 5.211m², bà V đứng tên QSD đất. Thửa đất này khi ông D bỏ đi và trong quá trình bà L khiếu nại thì bà L cho ông Trần Văn S mượn (cha ông Kh) quản lý, sử dụng đất, (ông S chết) ông Kh tiếp tục quản lý sử dụng, sau nhiều lần bà V yêu cầu Sốt trả lại đất, nhưng ông S

không đồng ý nên bà V khởi kiện đòi lại một phần thửa đất này để quản lý, sử dụng, vì trên thửa đất này còn có nhà mồ và mồ mả ông bà của bà V.

Nay Bà Đặng Thị Kim V yêu cầu hộ ông Trần Thiện Kh, Võ Thị Tuyết Nga, Trần Thị Thanh Nh; Trần Thị Nhàn R và Huỳnh Tấn L liên đới tháo dỡ, di dời một căn nhà tạm có mái lợp tôn và cây trồng trên đất để trả lại cho bà V phần đất diện tích 1.511,8m² vị trí thể hiện từ mốc 6,7,8,9,10,11,12,13,14,28,27,6 và phần đất diện tích 418,7m² là phần khu nhà mồ thể hiện các mốc 1, 2, 3, 4, 26, 25, 24, 23, 1 theo trích đo hiện trạng đất tranh chấp ngày 04/6/2019 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện C; hai phần diện tích này thuộc một phần thửa số 1686, tờ bản đồ số 2, đất trồng cây lâu năm, đất tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện C, Đồng Tháp (hiện một phần thửa đất trên do hộ ông Kh đang quản lý). Bà Đặng Thị Kim V đồng ý trả tiền bồi thường cây trồng và di dời nhà tạm cho hộ ông Trần Thiện Kh số tiền là 25.290.595 đồng theo biên bản định giá ngày 04/6/2019 của Hội đồng định giá huyện C. Ngoài ra, bà V tự nguyện hỗ trợ thêm cho hộ ông Kh tiền di dời nhà, cây trồng và công sức số tiền là 14.709.405 đồng.

Bị đơn Trần Thiện Kh, đồng thời ông Kh là người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Trần Thị Nhàn R, trình bày:

Phần đất đang tranh chấp có nguồn gốc là của ông Tư D (ông Kh không biết họ của ông D) cho cha ông Kh là ông Trần Văn S mượn canh tác diện tích khoảng 2.000 m² vào năm 1978, đến năm 2010 thì ông Sót chết, ông Kh tiếp tục canh tác đến nay. Cha ông Kh mượn đất của ông Tư D đến khoảng năm 1981 ông D bỏ đi lên thành phố Hồ Chí Minh sinh sống và nói với cha ông Kh là giữ phần đất canh tác để sinh sống, từ đó đến nay ông D không có trở về (chết) gia đình ông Kh tiếp tục quản lý sử dụng một phần thửa đất đó cho đến nay.

Lúc ông D bỏ đi ông Kh mới có 17 tuổi. Khi ông S còn sống có người đến tranh chấp phần đất này, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp có mời ông Sót đến giải quyết, nhưng nội dung cụ thể như thế nào ông Kh không biết, ông Sót cũng không có nói lại cho ông Kh biết nội dung UBND tỉnh Đồng Tháp giải quyết cụ thể như thế nào, do ông S trực tiếp đi tham dự để giải quyết việc tranh chấp đó chứ ông Kh không có đi. Ông S có về nói là mình cứ tiếp tục quản lý, sử dụng phần đất này chứ không có nói gì nữa, nên khi ông Sót chết từ năm 2010 đến nay gia đình ông Kh vẫn tiếp tục quản lý, sử dụng một phần thửa đất này đến nay.

Gia đình ông Kh có cất 01 nhà tạm ngang 4m dài 8m, mái tôn, nền đất, vách lá, cây tạp, ở từ năm 1978 đến nay và gia đình anh Kh trồng vú sữa, mít, xoài, chuối và một số cây ăn trái khác trên một phần đất thửa này. Ngoài căn nhà này thì trên đất không có vật kiến trúc nào khác. Ngoài căn nhà tạm trên phần trên của bà V, thì gia đình ông Kh có một nhà khác giáp ranh phần đất tranh chấp, tại Tổ 01, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Ông Kh cho rằng việc bà Trần Thị Kim L được đứng tên giấy chứng nhận QSD đất thửa đất đang tranh chấp và sau khi bà L chết để lại cho bà Đặng Thị Kim V được đứng tên thửa đất tranh chấp ông Kh hoàn toàn không biết. Đến năm 2017, Ủy ban nhân dân xã Tân Phú Trung có mời đến giải quyết việc bà V đòi gia đình ông Kh trả lại một phần thửa đất 1686 do bà V đứng tên, ông Kh mới biết và gia đình ông Kh đang quản lý, sử dụng một phần thửa đất số 1686, tờ bản đồ số 2, diện tích 1.511,8m² vị trí từ mốc 6,7,8,9,10,11,12,13,14,28,27,6 và diện tích 418,7m² phần khu nhà mô thể hiện các mốc 1, 2, 3, 4, 26, 25, 24, 23, 1 theo trích đo hiện trạng đất tranh chấp ngày 04/6/2019 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Châu Thành.

Nay ông Kh và các thành viên trong hộ ông Kh không đồng ý theo yêu cầu của bà V. Nếu bà V đòi lại quyền sử dụng đất thì bà V phải trả tiền cây trồng, di dời nhà cho ông Kh và các thành viên trong hộ ông Kh số tiền là 100.000.000 đồng (*một trăm triệu đồng*).

Bị đơn Trần Thị Kim Th trình bày: thống nhất theo ý kiến của ông Trần Thiện Kh, không bổ sung ý kiến trình bày gì thêm.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chị Võ Thị Tuyết N, Trần Thị Thanh Nh trình bày: Chị Tuyết N và Thanh Nh thống nhất theo ý kiến của anh Trần Thiện Kh, không bổ sung ý kiến trình bày gì thêm.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Huỳnh Tấn L: vắng mặt tại phiên tòa và không cung cấp văn bản ý kiến cho Tòa án.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử đúng quy định pháp luật. Các đương sự chấp hành tốt nội quy phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên

đơn, buộc hộ ông Trần Thiện Kh, gồm những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan hộ ông Kh liên đới giao trả cho bà Đặng Thị Kim V quản lý, sử dụng một phần thửa đất số 1686, tờ bản đồ số 2, diện tích 1.511,8m² vị trí từ mốc mốc 6,7,8,9,10,11,12,13,14,28,27,6 và diện tích 418,7m² phần khu nhà mồ thể hiện các mốc 1, 2, 3, 4, 26, 25, 24, 23, 1 theo trích đo hiện trạng đất tranh chấp ngày 04/6/2019 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Châu Thành.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Đặng Thị Kim V trả tiền bồi thường cây trồng và di dời nhà tạm cho hộ ông Trần Thiện Kh số tiền là 25.290.595 đồng theo biên bản định giá ngày 04/6/2019 của Hội đồng định giá huyện Châu Thành và chấp nhận sự tự nguyện của bà V tự nguyện hỗ trợ thêm cho hộ ông Kh tiền di dời nhà và công sức số tiền là 14.709405đồng, tổng cộng là 40.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ ý kiến của các bên đương sự, quan điểm của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn kiện yêu cầu bị đơn trả lại diện tích đất đang quản lý, sử dụng. Do đó, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp phải giải quyết là “Tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất”; phần đất tranh chấp tại thửa đất số 1686, tờ bản đồ số 2 diện tích 5.211m² đất trồng cây lâu năm, Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành cấp ngày 07/02/2007 cho Đặng Thị Kim V đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu trả lại đất của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

Quá trình quản lý sử dụng đất phía nguyên đơn có khiếu nại đòi lại đất và UBND huyện Châu Thành, UBND tỉnh Đồng Tháp đã giải quyết. Sau nhiều lần giải quyết, cuối cùng UBND tỉnh Đồng Tháp có Quyết định số 182 ngày 28/4/2003, theo đó công nhận thửa đất số 215, tờ bản đồ số 2, diện tích 6.443m² cho bà Trần Thị Kim L (mẹ ruột nguyên đơn); Quyết định đã có hiệu lực thi hành, UBND Huyện đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 215 cho bà L đứng tên, sau đó bà L chết, nguyên đơn là bà V (con bà L) được nhận thừa kế và đã được cấp giấy chứng nhận QSD đất. Thửa đất

số 215 nay là thửa số 1686, có diện tích thể hiện trên giấy chứng nhận QSD đất là 5.211m², trong đó có diện tích đang tranh chấp là 1.930.5m², trên phần diện tích này có nhà mồ, mồ mã ông bà của nguyên đơn.

Phía bị đơn không thừa nhận nguồn gốc đất tranh chấp như nguyên đơn trình bày, không trình bày là đất của gia đình bị đơn (ông bà, cha mẹ bị đơn để lại), mà bị đơn cho rằng đất đang tranh chấp là của ông Tư Danh cho mượn giữ đất và mồ mã giùm ông Danh, nên không đồng ý trả đất lại cho nguyên đơn. Tuy nhiên, bị đơn không biết họ tên cụ thể của ông Danh, chỉ biết gọi là ông Tư Danh, không biết ông Danh hiện ở đâu, còn sống hay đã chết; bị đơn chỉ có lời trình bày, không cung cấp được tài liệu nào làm căn cứ chứng minh là đất của ông Danh.

Ngoài ra, trên cơ sở lời trình của nguyên đơn và các tài liệu có trong hồ sơ, thì con ông Tư Danh là Lê Ngọc Ánh, có gửi đến Tòa án tờ xác nhận ngày 22/7/2002 được UBND Phường 3, Quận Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh xác nhận chữ ký, với nội dung: Phần đất tranh chấp là của ông Trần Văn H là cha của bà Trần Thị Kim L, cho ông D ở tạm, nay ông D đã (chết) Lê Ngọc A đồng ý trả lại phần đất trên cho bà Trần Thị Kim L, để bà Trần Thị Kim L được đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa khi bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cùng phía với bị đơn được hỏi có thắc mắc, khiếu nại gì về các Quyết định giải quyết đòi lại đất (trong đó có diện tích đang tranh chấp) của UBND huyện Châu Thành và UBND Tỉnh đối với yêu cầu đòi lại đất của gia đình phía nguyên đơn hay không, cụ thể là các Quyết định số 145/QĐ-UB của UBND huyện Châu Thành và Quyết định số 182/QĐ-UB.NĐ của UBND tỉnh Đồng Tháp, thì bị đơn trình bày không yêu cầu, không thắc mắc khiếu nại gì về các Quyết định giải quyết của UBND huyện và UBND Tỉnh liên quan đến đất đang đang tranh chấp. Ngoài ra tại công văn số: 1853/UBND-NC ngày 02/6/2020 của UBND Huyện cung cấp thông tin về việc thi hành Quyết định số 182/QĐ-UB.NĐ ngày 28/4/2003 của UBND Tỉnh, thì sau khi thi hành, không có ai thắc mắc, khiếu nại.

Do đó, Tòa án không xét các Quyết định của UBND Huyện và UBND Tỉnh; đồng thời, căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 92 Bộ Luật tố tụng dân sự xác định Quyết định số 182/QĐ-UB.NĐ ngày 28/4/2003 của UBND tỉnh Đồng Tháp là quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã có hiệu lực pháp luật, nên quyết định giao thửa

đất 215 (nay là thửa 1686) cho bà Trần Kim Lư, hiện nguyên đơn là bà Đặng Thị Kim V đang đứng QSD đất là tình tiết nguyên đơn không phải chứng minh, là căn cứ hợp pháp cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy, nguồn gốc đất đang tranh chấp là của gia đình nguyên đơn và hiện nguyên đơn đã được cấp giấy chứng nhận QSD đất đúng quy định pháp luật, trên đất có mồ mã ông bà của nguyên đơn. Bị đơn cho rằng nguồn gốc đất đang tranh chấp không phải của gia đình nguyên đơn, nhưng trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn không chứng minh được đất của ông Tư D cho mượn theo lời trình bày, đồng thời cũng thừa nhận đất không phải của gia đình bị đơn. Do đó, việc nguyên đơn kiện yêu cầu bị đơn trả lại 1.930,5m² (trong đó gồm 2 phần: một phần diện tích đất 1.511,8m² vị trí thể hiện theo các mốc 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 28, 27 và 6; một phần diện tích 418,7m² phần khu nhà mồ thể hiện các mốc 1, 2, 3, 4, 26, 25, 24, 23, 1 theo trích đo hiện trạng đất tranh chấp ngày 04/6/2019 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Châu Thành) là có căn cứ, nên chấp nhận.

[2.2] Phía bị đơn trình bày: Bị đơn đồng ý trả lại cho nguyên đơn 2 phần đất: một phần diện tích đất 1.511,8m² vị trí thể hiện theo các mốc 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 28, 27 và 6; một phần diện tích 418,7m² phần khu nhà mồ thể hiện các mốc 1, 2, 3, 4, 26, 25, 24, 23, 1 theo trích đo hiện trạng đất tranh chấp ngày 04/6/2019 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Châu Thành với điều kiện nguyên đơn phải bồi hoàn tài sản trên đất (nhà và cây trồng) số tiền là 100.000.000đ. Hội đồng xét xử xét thấy, đây là yêu cầu phản tố của bị đơn đối với nguyên đơn, nhưng bị đơn không làm đơn khởi kiện theo quy định, do đó Hội đồng xét xử không xem yêu cầu này của bị đơn.

Tuy nhiên, phía nguyên đơn trình bày, đồng ý bồi hoàn các tài sản trên đất cho bị đơn và hỗ trợ bị đơn di dời nhà, tổng cộng là: 40.000.000đồng, nguyên đơn không cần nhận nhà, cây trồng của bị đơn trên phần đất tranh chấp. Xét sự tự nguyện phù hợp pháp luật, đảm bảo quyền lợi hợp pháp của bị đơn, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện của nguyên đơn.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn là người cao tuổi, có đơn xin miễn tiền tạm ứng án và án phí nên được miễn tiền tạm ứng án và án phí theo quy định.

Tại biên bản định giá tài sản tranh chấp ngày 04/6/2019 của Hội đồng định giá xác định phần đất tranh chấp có giá trị là: $1.930,5\text{m}^2 \times 85.000\text{đồng}/\text{m}^2 = 164.092.500$ đồng. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn Trần Thiện Kh và Trần Thị Kim Th, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đứng về phía bị đơn là Võ Thị Tuyết Nga, Trần Thị Thanh Nh, Trần Thị Nhân R, Huỳnh Tấn L liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng là 8.204.625 đồng.

[4] Về Chi phí: xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá, bà Đặng Thị Kim V tự nguyện chịu toàn bộ và không yêu cầu ai khác hoàn trả lại. Bà V đã nộp xong chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 186, 189, 190, 191 Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 203 Luật đất đai năm 2013 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện và sự tự nguyện của nguyên đơn Đặng Thị Kim V.
2. Buộc ông Trần Thiện Kh và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong hộ ông Kh gồm: Võ Thị Tuyết Nga, Trần Thị Kim Th, Trần Thị Thanh Nh, Trần Thị Nhân R và Huỳnh Tấn L, có trách nhiệm liên đới giao trả cho bà Đặng Thị Kim V một phần thửa đất số 1686, tờ bản đồ số 2, diện tích $1.511,8\text{m}^2$ vị trí từ mốc mốc 6,7,8,9,10,11,12,13,14,28,27,6 và diện tích $418,7\text{m}^2$ là phần khu nhà mồ thể hiện các mốc 1, 2, 3, 4, 26, 25, 24, 23, 1 theo trích đo hiện trạng đất tranh chấp ngày 04/6/2019 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Châu Thành.
3. Bà Đặng Thị Kim V bồi hoàn cây trồng và di dời nhà cho ông Trần Thiện Kh và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong hộ ông Kh gồm Võ Thị Tuyết Nga, Trần Thị Kim Th, Trần Thị Thanh Nh, Trần Thị Nhân R và Huỳnh Tấn L số tiền là 25.290.595 đồng và chấp nhận sự tự nguyện của bà V hỗ trợ thêm cho hộ ông Kh và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong hộ ông Kh gồm Võ Thị Tuyết Nga,

Trần Thị Kim Th, Trần Thị Thanh Nh, Trần Thị Nhàn R và Huỳnh Tấn L tiền di dời nhà, cây trồng và công sức số tiền là 14.709.405đồng.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn là người cao tuổi, có đơn xin miễn tiền tạm ứng án và án phí nên được miễn án phí theo quy định.

Bị đơn Trần Thiện Kh và Trần Thị Kim Th, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Võ Thị Tuyết Nga, , Trần Thị Thanh Nh, Trần Thị Nhàn R, Huỳnh Tấn L liên đới chịu 8.204.625 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá và đo đạc: số tiền là 3.694.000 đồng bà Đặng Thị Kim V tự nguyện nộp, bà V đã nộp và đã chi xong.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

6. Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo Bản án, quyết định của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp;(1)
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành; (1)
- Chi cục Thi hành án dân sự h. Châu Thành; (1)
- Lưu hồ sơ vụ án.(p)
- Lưu Văn thư (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Minh Phong

